UBND TỈNH QUẢNG NGÃI **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1756 /TB-SGDĐT	*Quảng Ngãi, ngày 26 tháng 11 năm 2026*

THÔNG BÁO
Về việc thu hồ sơ tuyển dụng giáo viên làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo;

Căn cứ Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định số 2889/QĐ-SGDĐT ngày 27/10/2026 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch tuyển dụng giáo viên làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo thu hồ sơ tuyển dụng giáo viên làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi như sau:

I. Chỉ tiêu, vị trí việc làm cần tuyển

Chỉ tiêu tuyển dụng giáo viên làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập *(sau khi đã thu nhận hồ sơ dự tuyển diện thu hút theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ)* trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi là **385** giáo viên, trong đó:

- Bậc mầm non: 50 chỉ tiêu với 01 vị trí;
- Bậc tiểu học: 148 chỉ tiêu với 07 vị trí;
- Bậc trung học cơ sở: 187 chỉ tiêu với 18 vị trí.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Thí sinh phải đăng ký ít nhất 01 đơn vị và có thể đăng ký tất cả các nguyện vọng theo số lượng đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng đối với vị trí việc làm được tuyển dụng chung theo Thông báo tuyển dụng. Trường hợp thí sinh không lựa chọn đơn vị trong danh sách thì được hiểu là không đăng ký tuyển dụng vào đơn vị đó. Thí sinh ghi rõ tên đơn vị ưu tiên lựa chọn theo thứ tự nguyện vọng tính từ trên trở xuống.

II. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển

1. Điều kiện đăng ký dự tuyển

Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức:

a) Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;

b) Tuổi đời từ đủ 18 tuổi trở lên;

c) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;

d) Có Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu quy định;

đ) Có lý lịch rõ ràng;

e) Đủ sức khoẻ để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ;

g) Có đủ văn bằng, chứng chỉ phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển.

2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển

- Người mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

- Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; người đang chấp hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án hoặc chưa được xóa án tích; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

- Người đã có tiền án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người theo quy định của Bộ luật Hình sự.

3. Đối tượng ưu tiên và điểm ưu tiên trong tuyển dụng viên chức

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng 7,5 điểm vào kết quả vòng 2.

b) Người dân tộc thiểu số; sĩ quan quân đội, quân nhân chuyên nghiệp phục viên; sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân xuất ngũ; người làm công tác cơ yếu chuyển ngành; học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị; con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945, con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, con của Anh hùng Lao động: Được cộng 5 điểm vào kết quả vòng 2.

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân; công nhân, viên chức quốc phòng thôi việc còn trong độ tuổi lao động; đội viên thanh niên xung phong, trí thức trẻ tình nguyện đến công tác tại các khu kinh tế quốc phòng sau khi hoàn thành nhiệm vụ tham gia dự án: Được cộng 2,5 điểm vào kết quả vòng 2.

d) Cán bộ công đoàn trưởng thành từ cơ sở, trong phong trào công nhân theo quy định của cấp có thẩm quyền: Được cộng 1,5 điểm vào kết quả vòng 2.

đ) Đối tượng được ưu tiên trong tuyển dụng theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 14 Luật Nhà giáo. Là người có thời gian làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục đúng vị trí việc làm cần tuyển dụng hoặc giảng dạy, giáo dục ở cấp học, trình độ đào tạo khác nhưng môn học, ngành học giảng dạy phù hợp với vị trí việc làm tuyển dụng từ đủ 3 năm (36 tháng) trở lên, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định định của pháp luật (nếu không liên tục và chưa nhận bảo

hiểm xã hội 01 lần thì được cộng dồn), được cộng 05 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

Trường hợp người dự thi tuyển hoặc dự xét tuyển thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả vòng 2.

III. Thời gian, địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển

1. Hồ sơ dự tuyển

Phiếu Đăng ký dự tuyển theo mẫu *(Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ, khai đầy đủ các nội dung yêu cầu trong Phiếu đăng ký dự tuyển tính đến thời điểm nộp Phiếu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai trong Phiếu)*;

2. Thời gian nhận Phiếu đăng ký dự tuyển: 30 ngày, kể từ ngày **26/11/2026** đến 17 giờ ngày **25/12/2026** vào các ngày làm việc trong tuần *(sau thời gian trên Sở Giáo dục và Đào tạo không nhận Phiếu đăng ký dự tuyển)*.

3. Địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển

Thí sinh nộp phiếu Đăng ký dự tuyển trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Phòng Tổ chức cán bộ, Sở GDĐT Quảng Ngãi, số 58 Hùng Vương, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi. Lệ phí phí tuyển dụng, thí sinh có thể nộp trực tiếp hoặc nộp vào tài khoản của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi: số 121000104629, chi nhánh Ngân hàng Vietinbank Quảng Ngãi.

(Thông báo này được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Sở GDĐT tại đại chỉ: http://tuyendung.quangngai.edu.vn).

Mọi chi tiết về tuyển dụng giáo viên làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi liên hệ tại Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo, số 58 Hùng Vương, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi, số điện thoại: (0255) 3824167, email: tccb@quangngai.edu.vn./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh *(thay báo cáo)*;
- Sở Nội vụ *(phối hợp)*;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Lãnh đạo Sở;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Website Sở GDĐT;
- Niêm yết tại cơ quan Sở GDĐT;
- Lưu: VT, VP, TCCB.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH QUẢNG NGÃI

Nguyễn Ngọc Thái

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHU CẦU TUYỂN DỤNG GIÁO VIÊN MẦM NON, PHỔ THÔNG NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số 1756/TB-SGDĐT ngày 26/11/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Phụ lục 1

TT	Tên trường	Biên chế được giao năm 2026	Tổng số biên chế hiện có mặt	Nhu cầu giáo viên mầm non	Ghi chú
TỔNG				**50**	
1	**Xã Bình Minh**				
	Trường Mầm non Bình Minh	52	49	**3**	
2	**Xã Đông Sơn**				
	Trường Mầm non số 1 Đông Sơn	55	55	**1**	
3	**Xã Thọ Phong**				
	Trường Mầm non Thọ Phong	43	42	**3**	
4	**Xã Tư Nghĩa**				
	Trường Mầm non Tư Nghĩa	55	54	**2**	
5	**Xã Đình Cương**				
	Trường Mầm non Lê Khiết	63	60	**2**	
6	**Xã Ba Tô**				
	Trường Mầm non Ba Tô	39	38	**1**	
7	**Xã Sơn Tây**				
	Trường Mầm non xã Sơn Tây	63	62	**1**	
8	**Xã Sơn Tây Thượng**				
	Trường Mầm non Hoa Pơ-Niêng	57	52	**4**	
9	**Xã Tây Trà**				
	Trường Mầm non Tây Trà	55	51	**4**	
10	**Xã Sa Thầy**				
	Trường Mầm non Hoa Phượng	28	28	**2**	
11	**Xã Sa Bình**				
	Trường Mầm non Tuổi Thơ	66	65	**1**	
12	**Xã Ya Ly**				
	Trường Mầm non Ya Ly	63	62	**1**	
13	**Xã Đăk Tờ Kan**				
	Trường Mầm non Sơn Ca	68	63	**5**	
14	**Xã Măng Bút**				
	Trường Mầm non Đắk Nên	36	35	**1**	
15	**Xã Kon Plông**				
	Trường Mầm non Kon Plông	36	34	**2**	
16	**Xã Kon Braih**				
	Trường Mầm non Ánh Dương	62	61	**1**	
	Trường Mầm non Họa Mi	53	52	**2**	
17	**Xã Đăk Rơ Wa**				
	Trường MN Hoàng Sa	47	45	**3**	
	Trường Mầm non Nắng Hồng	61	58	**4**	
18	**Phường Kon Tum**				
	Trường Mầm non Hoa Thạch Thảo	52	51	**1**	
	Trường Mầm non Hoa Phượng	57	57	**1**	
19	**Xã Đăk Pxi**				

TT	Tên trường	Biên chế được giao năm 2026	Tổng số biên chế hiện có mặt	Nhu cầu giáo viên mầm non	Ghi chú
	Trường Mầm non Hoa Hướng Dương	73	72	**1**	
20	**Xã Đăk Mar**				
	Trường Mầm non Trạng Nguyên	86	86	**1**	
21	**Xã Bờ Y**				
	Trường Mầm non Bờ Y	74	73	**1**	
22	**Xã Đăk Môn**				
	Trường Mầm non xã Đăk Môn	68	67	**1**	
23	**Xã Đăk Long**				
	Trường MN xã Đăk Long	39	38	**1**	

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHU CẦU TUYỂN DỤNG GIÁO VIÊN MẦM NON, PHỔ THÔNG NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số 1756/TB-SGDĐT ngày 26/11/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Phụ lục 2

TT	Tên trường	Biên chế được giao năm 2026	Tổng số biên chế hiện có mặt	Tổng nhu cầu giáo viên	Giáo viên tiểu học cơ bản	Anh văn	Giáo dục thể chất	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tin học	TPT Đội	Ghi chú
TỔNG CỘNG				**100**	**68**	**10**	**5**	**3**	**3**	**5**	**6**	
1	**Xã Vạn Tường**											
	Trường Tiểu học Võ Văn Kiệt	106	104	**1**							1	
2	**Xã Đông Sơn**											
	Trường tiểu học số 2 Đông Sơn	87	84	**2**	2							
3	**Xã Thọ Phong**											
	Trường Tiểu học Thọ Phong	97	96	**2**		1			1			
4	**Xã Tịnh Khê**											
	Trường tiểu học Tịnh Khê	89	88	**1**				1				
5	**Phường Cẩm Thành**											
	Trường Tiểu học Cẩm Thành	118	111	**3**			1			1	1	
	Trường Tiểu học Nguyễn Nghiêm	52	51	**1**							1	
	Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo	62	57	**3**		1	1				1	
7	**Xã Lân Phong**											
	Trường Tiểu học Đức Lân	55	47	**1**							1	
8	**Xã Khánh Cường**											
	Trường tiểu học Khánh Cường	63	58	**4**	4							
9	**Phường Trà Câu**											
	Trường TH An Quang	76	67	**8**	8							
10	**Phường Sa Huỳnh**											
	Trường Tiểu học số 1 Sa Huỳnh	49	45	**5**	5							
	Trường Tiểu học số 2 Sa Huỳnh	64	53	**10**	8				1		1	
11	**Xã Ba Vì**											
	Trường Tiểu học Ba Vì	61	60	**1**		1						
12	**Xã Ba Tô**											
	Trường TH Ba Tô	62	61	**1**				1				
13	**Xã Ba Xa**											
	Trường Tiểu học Ba Xa	37	36	**1**						1		
14	**Xã Sơn Hạ**											
	Tiểu học Sơn Hạ	65	64	**1**						1		
15	**Xã Sơn Hà**											
	Trường tiểu học Sơn Hà	67	62	**4**	2	2						
16	**Xã Sơn Tây**											
	Trường PTDTBT Tiểu học xã Sơn Tây	81	80	**1**					1			
17	**Xã Tây Trà**											
	Trường PTDTBT Tiểu học Tây Trà	92	89	**3**	2	1						

18	**Xã Sa Bình**											
	Trường TH Trần Quốc Toản	71	70	**1**		1						
19	**Xã Ya Ly**											
	Trường tiểu học Ya Ly	76	75	**1**	1							
20	**Xã Tu Mơ Rông**											
	Trường PTDT BT TH Tu Mơ Rông	57	52	**5**	5							
21	**Xã Kon Plông**											
	Trường PTDTBT Tiểu học Kon Plông	48	46	**3**	3							
	Trường PTDTBT Tiểu học Ngọk Tem	28	21	**7**	4	1	1			1		
22	**Xã Đăk Kôi**											
	Trường Tiểu học Đăk Kôi	53	52	**1**						1		
23	**Xã Kon Braih**											
	Trường tiểu học Tân Lập	81	80	**1**	1							
	Trường tiểu học Kim Đồng	68	66	**1**	1							
24	**Xã Ngọk Bay**											
	Trường Tiểu học Ngọk Bay	89	87	**2**	2							
25	**Xã Đăk Rơ Wa**											
	Trường tiểu học số 1 Đăk Rơ Wa	52	49	**6**	5			1				
	Trường tiểu học số 2 Đăk Rơ Wa	86	85	**2**	2							
26	**Phường Kon Tum**											
	Trường Tiểu học Phan Đình Phùng	74	73	**2**	2							
	Trường Tiểu học Ngô Quyền	78	78	**1**	1							
27	**Phường Đăk Cấm**											
	Trường Tiểu học Quang Trung	79	77	**2**		**1**	**1**					
	Trường Tiểu học Trần Phú	74	73	**1**			**1**					
28	**Phường Đăk Bla**											
	Trường Tiểu học Đăk Bla	84	81	**2**	2							
29	**Xã Đăk Pxi**											
	Trường Tiểu học xã Đăk Pxi	93	92	**1**	1							
30	**Xã Ngọk Tụ**											
	Trường tiểu học Kim Đồng	72	71	**1**		1						
31	**Xã Kon Đào**											
	Trường TH Trần Quốc Toản	117	115	**2**	2							
32	**Xã Đăk Môn**											
	Trường Tiểu học xã Đăk Môn	84	78	**5**	5							

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHU CẦU TUYỂN DỤNG GIÁO VIÊN MẦM NON, PHỔ THÔNG NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số 1756/TB-SGDĐT ngày 26/11/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Phụ lục 3

TT	Tên trường	Biên chế được giao năm 2026	Tổng số biên chế hiện có mặt	Tổng nhu cầu giáo viên	Toán	Vật lý	Hoá học	Sinh học	Khoa học tự nhiên	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	Lịch sử và Đại lí	Anh văn	GDCD	Giáo dục thể chất	Công nghệ công	Công nghệ nông	Tin học	Âm nhạc	Mỹ thuật	TPT Đội	Ghi chú
TỔNG CỘNG				**132**	**23**	**5**	**4**	**4**	**5**	**16**	**6**	**5**	**3**	**23**	**4**	**6**	**5**	**3**	**7**	**2**	**7**	**4**	
1	**Xã Vạn Tường**																						
	Trường THCS Vạn Tường	84	77	**6**						2			1	1							1	1	
	Trường THCS Dung Quất	92	91	**1**						1													
2	**Xã Đông Sơn**																						
	Trường trung học cơ sở số 1 Đông Sơn	73	71	**4**	1	1				2													
	Trường trung học cơ sở số 2 Đông Sơn	72	72	**2**	1											1							
3	**Xã Ba Gia**																						
	THCS Ba Gia	89	88	**1**													1						
4	**Xã Tịnh Khê**																						
	Trường THCS Võ Bẩm	69	65	**4**						2							1	1					
	Trường THCS Trần Văn Trà	65	63	**2**				2															
5	**Phường Trương Quang Trọng**																						
	Trường THCS Trương Quang Trọng	92	90	**1**									1										
6	**Phường Cẩm Thành**																						
	Trường THCS Trần Hưng Đạo	69	67	**1**	1																		
7	**Xã Tư Nghĩa**																						
	Trường THCS Nghĩa Thương	40	40	**1**							1												
8	**Xã Trà Giang**																						
	Trường THCS số 1 Trà Giang	35	34	**1**							1												

TT	Tên trường	Biên chế được giao năm 2026	Tổng số biên chế hiện có mặt	Tổng nhu cầu giáo viên	Toán	Vật lý	Hoá học	Sinh học	Khoa học tự nhiên	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	Lịch sử và Đại lí	Anh văn	GDCD	Giáo dục thể chất	Công nghệ công	Công nghệ nông	Tin học	Âm nhạc	Mỹ thuật	TPT Đội	Ghi chú
	Trường THCS số 2 Trà Giang	32	32	**1**										1									
9	**Xã Long Phụng**																						
	Trường THCS Nguyễn Bá Loan	80	72	**1**								1											
10	**Xã Mỏ Cày**																						
	Trường THCS Nguyễn Trãi	38	35	**3**						1	1											1	
	Trường THCS Mỏ Cày	93	81	**6**		1				1	1	1			1			1					
11	**Xã Mộ Đức**																						
	Trường THCS Nam Đàn	45	44	**1**							1												
	Trường THCS Hòa Phú	55	53	**2**				2															
12	**Xã Khánh Cường**																						
	Trường THCS Khánh Cường	53	51	**2**	1	1																	
13	**Phường Trà Câu**																						
	Trường THCS Văn Thuận	61	55	**4**						1				1		1	1						
	Trường THCS An Quang	76	71	**3**							1			1	1								
14	**Phường Đức Phổ**																						
	Trường THCS Nguyễn Nghiêm	74	65	**1**																	1		
15	**Phường Sa Huỳnh**																						
	Trường THCS Sa Huỳnh	89	81	**7**	2				1	1				1		1						1	
16	**Xã Đình Cương**																						
	Trường THCS Phạm Văn Đồng	85	84	**5**	3												1	1					
17	**Xã Phước Giang**																						
	Trường THCS Phước Giang	73	72	**1**						1													
18	**Xã Ba Vì**																						
	Trường THCS Ba Vì	39	34	**5**	1		2							1	1								
19	**Xã Ba Tô**																						
	Trường THCS Ba Tô	43	42	**1**	1																		
20	**Xã Ba Tơ**																						
	THCS Ba Tơ	49	44	**5**					1										1	1	1	1	

TT	Tên trường	Biên chế được giao năm 2026	Tổng số biên chế hiện có mặt	Tổng nhu cầu giáo viên	Toán	Vật lý	Hoá học	Sinh học	Khoa học tự nhiên	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	Lịch sử và Đại lí	Anh văn	GDCD	Giáo dục thể chất	Công nghệ công	Công nghệ nông	Tin học	Âm nhạc	Mỹ thuật	TPT Đội	Ghi chú
	TDTNT THCS Ba Tơ	19	17	**2**					1												1		
21	**Xã Ba Xa**																						
	Trường PTDTBT THCS Ba Xa	24	22	**3**	1									1					1				
22	**Xã Sơn Hạ**																						
	Trường THCS Sơn Hạ	44	44	**1**			1																
23	**Xã Sơn Hà**																						
	Trường THCS Sơn Hà	48	45	**1**	1																		
24	**Xã Sơn Tây**																						
	Trường PTDTBT THCS xã Sơn Tây	58	55	**3**	1		1							1									
	Trường PTDTNT THCS Sơn Tây	24	21	**3**															1	1	1		
25	**Xã Trà Bồng**																						
	Trường PTDTNT THCS Trà Bồng	27	26	**1**	1																		
26	**Xã Tây Trà**																						
	Trường PTDTBT THCS Trương Ngọc Khang	59	53	**6**	1							1		2					1		1		
	Trường PTDTNT THCS Tây Trà	22	20	**2**								1		1									
27	**Xã Tây Trà Bồng**																						
	Trường PTDTBT THCS Tây Trà Bồng	60	55	**1**	1																		
28	**Xã Sa Thầy**																						
	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Tất Thành	62	57	**5**	1									1	1	1	1						
29	**Xã Sa Bình**																						
	Trường THCS Sa Bình	45	44	**1**										1									
	Trường THCS Phan Đình Phùng	40	39	**1**										1									

TT	Tên trường	Biên chế được giao năm 2026	Tổng số biên chế hiện có mặt	Tổng nhu cầu giáo viên	Toán	Vật lý	Hoá học	Sinh học	Khoa học tự nhiên	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	Lịch sử và Đại lí	Anh văn	GDCD	Giáo dục thể chất	Công nghệ công	Công nghệ nông	Tin học	Âm nhạc	Mỹ thuật	TPT Đội	Ghi chú
30	**Xã Tu Mơ Rông**																						
	Trường PTDT BT THCS Tu Mơ Rông	63	62	**1**										1									
31	**Xã Măng Bút**																						
	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Đắk Ring	30	24	**6**	1					1			1	1		1			1				
32	**Xã Kon Plông**																						
	Trường PTDTBT THCS Kon Plông	35	33	**3**	1									2									
	Trường PTDTBT THCS Ngọk Tem	17	15	**3**					1					1					1				
33	**Xã Đăk Kôi**																						
	Trường PTDTBT-THCS Đăk Kôi	40	39	**1**										1									
34	**Xã Đăk Rơ Wa**																						
	Trường THCS Đăk Rơ Wa	96	95	**3**	2					1													
35	**Phường Đăk Cấm**																						
	Trường THCS Đăk Cấm	74	73	**1**								**1**											
36	**Phường Đăk Bla**																						
	Trường THCS Đăk Bla	74	73	**1**		1																	
37	**Xã Đăk Pxi**																						
	Trường THCS xã Đăk Pxi	58	57	**1**					1														
38	**Xã Kon Đào**																						
	Trường THCS Nguyễn Trãi	83	82	**1**										1									
39	**Xã Bờ Y**																						
	Trường THCS Plei Kần	87	85	**2**						1				1									
40	**Xã Dục Nông**																						
	Trường PTDTBT THCS Ngô Quyền	30	27	**1**															1				
41	**Xã Đăk Pék**																						

TT	Tên trường	Biên chế được giao năm 2026	Tổng số biên chế hiện có mặt	Tổng nhu cầu giáo viên	Toán	Vật lý	Hoá học	Sinh học	Khoa học tự nhiên	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	Lịch sử và Đại lí	Anh văn	GDCD	Giáo dục thể chất	Công nghệ công	Công nghệ nông	Tin học	Âm nhạc	Mỹ thuật	TPT Đội	Ghi chú
	Trường THCS Đăk Glei	80	77	**3**	1					1						1							
42	**Xã Đăk Môn**																						
	Trường THCS xã Đăk Môn	60	57	**3**		1								1							1		

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHU CẦU TUYỂN DỤNG GIÁO VIÊN MẦM NON, PHỔ THÔNG NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số 1756 /TB-SGDĐT ngày 26/11/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Phụ lục 4

TT	Tên trường	Biên chế được giao năm 2026	Tổng số biên chế hiện có mặt	Tiểu học								THCS																		Ghi chú
				Tổng nhu cầu giáo viên TH	Giáo viên tiểu học cơ bản	Anh văn	Giáo dục thể chất	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tin học	TPT Đội	Tổng nhu cầu giáo viên THCS	Toán	Vật lý	Hoá học	Sinh học	Khoa học tự nhiên	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	Lịch sử và Đại lí	Anh văn	GDCD	Giáo dục thể chất	CN Công nghiệp	CN Nông nghiệp	Tin học	Âm nhạc	Mỹ thuật	TPT Đội	
TỔNG CỘNG				**48**	**29**	**12**	**1**	**4**	**2**	**0**	**0**	**55**	**11**	**2**	**0**	**1**	**4**	**8**	**3**	**3**	**2**	**15**	**1**	**0**	**1**	**0**	**1**	**1**	**0**	**2**	
1	**Xã Bình Minh**																														
	Trường TH và THCS An Khương	79	74	**2**	2							**2**						1												1	
	Trường TH và THCS Bình Minh	69	67	**2**	2							**0**																			
2	**Xã Bình Chương**																														
	Trường TH-THCS Bình Chương	46	45	**0**								**1**		1																	
	Trường TH-THCS Bình Mỹ	51	48	**1**	1							**2**										2									
3	**Xã Tư Nghĩa**																														
	Trường TH và THCS Nghĩa Hòa	86	82	**1**				1				**2**	1							1											
4	**Xã Vệ Giang**																														
	Trường Tiểu học và THCS Nghĩa Mỹ	52	50	**1**	1							**0**																			
	Trường Tiểu học và THCS Nghĩa Hiệp	82	80	**2**	2							**0**																			
5	**Xã Nghĩa Giang**																														
	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Nghĩa Thuận	68	62	**0**								**3**						1			1	1									
	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Nghĩa Kỳ	108	106	**0**								**2**						1	1												

TT	Tên trường	Biên chế được giao năm 2026	Tổng số biên chế hiện có mặt	Tiểu học								THCS																		Ghi chú
				Tổng nhu cầu giáo viên TH	Giáo viên tiểu học cơ bản	Anh văn	Giáo dục thể chất	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tin học	TPT Đội	Tổng nhu cầu giáo viên THCS	Toán	Vật lý	Hoá học	Sinh học	Khoa học tự nhiên	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	Lịch sử và Đại lí	Anh văn	GDCD	Giáo dục thể chất	CN Công nghiệp	CN Nông nghiệp	Tin học	Âm nhạc	Mỹ thuật	TPT Đội	
6	**Xã Ba Dinh**																														
	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Ba Dinh	52	51	**0**								**1**	1																		
7	**Xã Ba Vinh**																														
	Trường TH&THCS Ba Vinh	61	59	**1**	1							**1**						1													
8	**Xã Đặng Thùy Trâm**																														
	Trường PTDTBT TH&THCS Ba Trang	35	34	**0**								**1**		1																	
9	**Xã Sơn Thủy**																														
	Trường TH&THCS Sơn Hải	31	30	**2**	1		1					**0**																			
10	**Xã Sơn Kỳ**																														
	Trường PTDTBT TH và THCS Sơn Ba	46	43	**0**								**3**						1		1		1									
11	**Xã Sơn Tây Thượng**																														
	Trường PTDTBT TH&THCS Đinh Thanh Kháng	102	93	**3**	3							**6**	2				2					1						1			
12	**Xã Sơn Tây Hạ**																														
	Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Tây Hạ	83	74	**5**	1	1		2	1			**1**				1															
13	**Xã Thanh Bồng**																														
	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Thanh	50	48	**0**								**1**	1																		
14	**Xã Cà Đam**																														
	Trường TH-THCS Trà Tân	37	36	**1**		1						**0**																			
15	**Xã Sa Thầy**																														
	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Trần Phú	51	50	**0**								**2**						1				1									
16	**Xã Rơ Kơi**																														

TT	Tên trường	Biên chế được giao năm 2026	Tổng số biên chế hiện có mặt	Tiểu học								THCS																		Ghi chú
				Tổng nhu cầu giáo viên TH	Giáo viên tiểu học cơ bản	Anh văn	Giáo dục thể chất	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tin học	TPT Đội	Tổng nhu cầu giáo viên THCS	Toán	Vật lý	Hoá học	Sinh học	Khoa học tự nhiên	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	Lịch sử và Đại lí	Anh văn	GDCD	Giáo dục thể chất	CN Công nghiệp	CN Nông nghiệp	Tin học	Âm nhạc	Mỹ thuật	TPT Đội	
	Trường TH-THCS xã Rờ Kơi	73	71	**0**								**2**	1				1														
17	**Xã Mô Rai**																														
	Trường PTNT TH-THCS xã Mô Rai	87	85	**0**								**2**								1			1								
18	**Xã Ia Tơi**																														
	Trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành	48	47	**0**								**1**										1									
	Trường TH-THCS Nguyễn Sinh Sắc	52	51	**1**	1							**0**																			
19	**Xã Ia Đal**																														
	Trường TH-THCS Hùng Vương	51	50	**0**								**1**							1												
20	**Xã Đăk Sao**																														
	Trường PTDTBT TH-THCS Đăk Sao	92	90	**1**		1						**0**																			
21	**Xã Đăk Tờ Kan**																														
	Trường TH-THCS Chu Văn An	135	130	**5**	4	1						**0**																			
22	**Xã Măng Ri**																														
	Trường PTDTBT TH-THCS Ngọc Yêu	55	52	**1**					1			**1**										1									
	Trường PTDTBT TH-THCS Ngọc Lây	58	54	**3**	2	1						**1**	1																		
	Trường PTDTBT TH-THCS Măng Ri	33	28	**4**	3	1						**1**										1									
23	**Xã Măng Đen**																														
	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Đắk Tăng	38	34	**0**								**3**	1					1	1												

TT	Tên trường	Biên chế được giao năm 2026	Tổng số biên chế hiện có mặt	Tiểu học								THCS																		Ghi chú
				Tổng nhu cầu giáo viên TH	Giáo viên tiểu học cơ bản	Anh văn	Giáo dục thể chất	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tin học	TPT Đội	Tổng nhu cầu giáo viên THCS	Toán	Vật lý	Hoá học	Sinh học	Khoa học tự nhiên	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	Lịch sử và Đại lí	Anh văn	GDCD	Giáo dục thể chất	CN Công nghiệp	CN Nông nghiệp	Tin học	Âm nhạc	Mỹ thuật	TPT Đội	
	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Măng Cành	51	48	**2**		1		1				**1**										1								
	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Đắk Long	41	40	**0**								**1**						1												
	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Măng Đen	53	50	**0**								**3**	1												1				1	
24	**Xã Măng Bút**																													
	Trường Phổ thông dân tộc bán trú cấp 1, 2 Măng Bút 1	37	36	**1**		1						**1**	1																	1 hưu
	Trường Phổ thông dân tộc bán trú cấp 1, 2 Măng Bút 2	31	29	**1**		1						**1**										1								
25	**Xã Ngọk Bay**																													
	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Kroong	51	50	**2**	2							**0**																		
26	**Xã Đăk Mar**																													
	Trường TH-THCS Hùng Vương	129	126	**2**	1	1						**0**																		
27	**Xã Sa Loong**																													
	Trường PTNT TH-THCS Sa Loong	63	61	**0**								**1**					1													
28	**Xã Dục Nông**																													
	Trường PTNT TH&THCS Dục Nông	71	62	**0**								**3**									1	2								
29	**Xã Xốp**																													
	Trường TH-THCS Quang Trung	77	74	**3**	1	2						**0**																		
30	**Xã Ngọc Linh**																													

TT	Tên trường	Biên chế được giao năm 2026	Tổng số biên chế hiện có mặt	Tiểu học								THCS																			Ghi chú
				Tổng nhu cầu giáo viên TH	Giáo viên tiểu học cơ bản	Anh văn	Giáo dục thể chất	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tin học	TPT Đội	Tổng nhu cầu giáo viên THCS	Toán	Vật lý	Hoá học	Sinh học	Khoa học tự nhiên	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	Lịch sử và Đại lí	Anh văn	GDCD	Giáo dục thể chất	CN Công nghiệp	CN Nông nghiệp	Tin học	Âm nhạc	Mỹ thuật	TPT Đội	
	Trường PTDTBT TH&THCS Ngọc Linh	37	35	**0**								**2**	1									1									
	Trường PTDTBT TH&THCS Mường Hoong	41	39	**0**								**2**										1					1				
31	**Xã Đăk Plô**																														
	Trường TH-THCS Đăk Nhoong	37	36	**1**	1							**0**																			